

BỘ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 30/2002/QĐ-
BKHCNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Về việc ban hành quy định về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn
định lượng theo khối lượng hoặc theo thể tích

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;
Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn định lượng theo khối lượng hoặc theo thể tích".
- Điều 2.** Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Quy định

Về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn định lượng
theo khối lượng hoặc thể tích

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30/2002/QĐ-BKHCNMT

ngày 17 tháng 5 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

1. Quy định chung

1.1. Quy định này quy định những yêu cầu về đo lường đối với hàng hoá được ghi nhãn và đóng gói với lượng định mức bằng nhau theo khối lượng hoặc thể tích (sau đây gọi tắt là hàng đóng gói sẵn) và dùng để kiểm tra hàng đóng gói sẵn thuộc Danh mục phải quản lý nhà nước về đo lường do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường ban hành.

Văn bản này có thể được tham khảo áp dụng đối với hàng đóng gói sẵn không thuộc Danh mục nói trên.

1.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sang bao (chai), đóng gói và buôn bán hàng đóng gói sẵn thuộc Danh mục nói trên (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) phải đảm bảo hàng đóng gói sẵn đúng định lượng theo quy định này.

1.3. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra hàng đóng gói sẵn. Việc kiểm tra hàng đóng gói sẵn được thực hiện tại doanh nghiệp.

1.4. Những thuật ngữ sử dụng trong quy định này được hiểu như sau:

1.4.1. Hàng đóng gói sẵn là hàng hoá được định lượng và đóng gói không có sự chứng kiến của khách hàng.

1.4.2. Lượng định mức (Q_n) của đơn vị hàng đóng gói sẵn là lượng hàng hoá được ghi trên bao bì.

1.4.3. Lượng chứa thực (Q_r) của đơn vị hàng đóng gói sẵn là lượng thực của hàng hoá chứa trong bao bì; trường hợp đóng gói theo khối lượng là khối lượng tịnh, theo thể tích là thể tích tịnh.

1.4.4. Lượng chứa tối thiểu cho phép ($Q_{\min}$) của đơn vị hàng đóng gói sẵn là hiệu số giữa lượng định mức (Q_n) và giới hạn thiếu cho phép (T) được quy định trong Bảng 1.

1.4.5. Đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp (gọi tắt là đơn vị không phù hợp) là đơn vị hàng đóng gói sẵn có lượng chứa thực (Q_r) nhỏ hơn lượng chứa tối thiểu cho phép ($Q_{\min}$).

1.4.6. Lô hàng đóng gói sẵn (gọi tắt là lô) là tập hợp các đơn vị hàng đóng gói sẵn cùng một lượng định mức được đóng gói trong cùng một điều kiện.

1.4.7. Cỡ lô (N) là số đơn vị hàng đóng gói sẵn có trong lô.

Tại Doanh nghiệp thực hiện việc sang bao (chai), đóng gói, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn của một đợt nhập kho nhưng không quá 10.000 đơn vị. Tại Doanh nghiệp sản xuất, cỡ lô được tính bằng sản lượng của dây chuyền đóng gói trong một giờ; trường hợp này cỡ lô có thể lớn hơn 10.000 đơn vị.

1.5. Hàng đóng gói sẵn phải được ghi nhãn theo quy định của pháp luật hiện hành về ghi nhãn hàng hoá.

2. Yêu cầu về đo lường

2.1 Giới hạn thiếu cho phép

Giới hạn thiếu cho phép của đơn vị hàng đóng gói sẵn có lượng định mức Q_n được quy định trong bảng 1 dưới đây: